

Biểu mẫu 20

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu, năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Ngành	Tổng	Chức danh		Trình độ					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			GS	PGS	TS	Ths	ĐH	CD	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số	475		23	136	287	28	1		384	68	23
I	Giảng viên cơ hữu theo ngành	391		23	119	235	14			315	53	23
a.	Khối ngành III	93		3	20	68	2			83	7	3
1	Hệ thống thông tin quản lý	22			3	17	2			20	2	
2	Kế toán	21			4	17				20	1	
3	Kinh doanh thương mại	7		1		6				6		1
4	Luật	9			3	6				7	2	
5	Marketing	8		1	3	4				7		1
6	Quản trị kinh doanh	13		1	4	8				11	1	1
7	Tài chính - Ngân hàng	13			3	10				12	1	
b.	Khối ngành IV	11		3	6	2				6	2	3
1	Công nghệ sinh học	11		3	6	2				6	2	3
c.	Khối ngành V	216		13	78	114	11			168	35	13
1	CNKT Điện điện tử	16			6	9	1			15	1	
2	CNKT Hóa học	8		1	5	2				7		1
3	Công nghệ chế biến thủy sản	23		2	8	12	1			18	3	2
4	Công nghệ chế tạo máy	4		1	2	1				3		1
5	Công nghệ thông tin											
6	Công nghệ thực phẩm	9			3	5	1			5	4	
7	Khai thác thủy sản	24		3	10	9	2			16	5	3
8	Kỹ thuật Cơ điện tử	10			5	5				6	4	
9	Kỹ thuật cơ khí	7			2	5				7		
10	Kỹ thuật cơ khí động lực	10		1	6	3				5	4	1
11	Kỹ thuật môi trường	7			4	3				3	4	
12	Kỹ thuật nhiệt	12		1	1	9	1			11		1
13	Kỹ thuật ô tô	11			2	5	4			9	2	
14	Kỹ thuật tàu thủy	11			4	7				10	1	
15	Kỹ thuật xây dựng	9		1	4	3	1			7	1	1
16	Nuôi trồng thủy sản	17		1	2	14				15	1	1
17	Quản lý thủy sản	31		2	10	19				25	4	2

TT	Ngành	Tổng	Chức danh		Trình độ					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			GS	PGS	TS	Ths	ĐH	CD	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
d.	Khối ngành VII	7			4	3				6	1	
1	Khoa học hàng hải	71		4	15	51	1			58	9	4
2	Kinh tế	2				2				1	1	
3	Kinh tế phát triển	26		1	9	16				22	3	1
4	Ngôn ngữ Anh	4		1	2	1				2	1	1
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	24			4	19	1			20	4	
6	Quản trị khách sạn	7		1		6				6		1
II	Giảng viên cơ hữu môn chung	8		1		7				7		1

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
1.	Lê Thị Bích Hằng	1979	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
2.	Nguyễn Đình Hưng	1978	Nam		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
3.	Huỳnh Thị Châu Phú	1983	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
4.	Bùi Thị Hồng Minh	1980	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
5.	Nguyễn Đình Cường	1980	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
6.	Lê Hoàng Thanh	1980	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
7.	Cao Ngọc Trinh	1985	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
8.	Đoàn Vũ Thịnh	1984	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
9.	Lê Thị Thanh Nhân	1982	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
10.	Nguyễn Hải Triều	1993	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
11.	Nguyễn Đức Thuận	1962	Nam		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
12.	Trần Minh Văn	1977	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
13.	Hà Thị Thanh Ngà	1980	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
14.	Nguyễn Đình Hoàng Sơn	1976	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
15.	Nguyễn Thủy Đoàn Trang	1976	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
16.	Nguyễn Khắc Cường	1973	Nam		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
17.	Đàm Khánh Hữu Thê	1985	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
18.	Phạm Văn Nam	1978	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
19.	Trần Mạnh Khang	1981	Nam		Đại học	Hệ thống thông tin quản lý
20.	Nguyễn Mạnh Cương	1969	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
21.	Nguyễn Huỳnh Huy	1996	Nam		Đại học	Hệ thống thông tin quản lý
22.	Cần Thị Phụng	1986	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý
23.	Võ Thị Thùy Trang	1974	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
24.	Nguyễn Bích Hương Thảo	1979	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
25.	Nguyễn Văn Hương	1978	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
26.	Lê Thị Thanh Huệ	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
27.	Mai Diễm Lan Hương	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
28.	Bùi Thị Thu Hà	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
29.	Phan Hồng Nhung	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
30.	Từ Mai Hoàng Phi	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
31.	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
32.	Nguyễn Thị Lan Phương	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
33.	Nguyễn Thị Thùy Trang	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
34.	Nguyễn Thị Kim Anh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
35.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
36.	Ngô Xuân Ban	1978	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
37.	Bùi Mạnh Cường	1982	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
38.	Đỗ Thị Ly	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
39.	Phạm Đình Tuấn	1986	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
40.	Nguyễn Thị Thủy	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
41.	Vương Thị Khánh Chi	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
42.	Nguyễn Thị Thanh Hà	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
43.	Nguyễn Thị Trâm Anh	1969	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh doanh thương mại
44.	Lê Thị Thanh Ngân	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại
45.	Nguyễn Thị Dung	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại
46.	Bùi Thu Hoài	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại
47.	Bùi Nguyễn Phúc Thiên Chương	1987	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại
48.	Diệp Bích Ngân	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại
49.	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại
50.	Nguyễn Tuấn	1977	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
51.	Nguyễn Thị Lan	1979	Nữ		Thạc sĩ	Luật
52.	Lê Việt Phương	1979	Nam		Tiến sĩ	Luật
53.	Lê Hoàng Phương Thủy	1986	Nữ		Thạc sĩ	Luật
54.	Trần Thị Mai	1993	Nữ		Thạc sĩ	Luật
55.	Nguyễn Sơn Bách	1990	Nam		Thạc sĩ	Luật
56.	Nguyễn Huyền Cát Anh	1993	Nữ		Thạc sĩ	Luật
57.	Phạm Thị Châu Hồng	1981	Nữ		Tiến sĩ	Luật
58.	Nguyễn Thị Hà Trang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Luật
59.	Bùi Giang Hưng	1972	Nam		Tiến sĩ	Luật
60.	Hồ Huy Tựu	1971	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Marketing
61.	Lê Thị Hồng Nhung	1988	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
62.	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	1992	Nữ		Thạc sĩ	Marketing

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
63.	Võ Văn Diễm	1982	Nam		Tiến sĩ	Marketing
64.	Nguyễn Hữu Khôi	1984	Nam		Tiến sĩ	Marketing
65.	Nguyễn Tiến Thông	1974	Nam		Tiến sĩ	Marketing
66.	Huỳnh Cát Duyên	1989	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
67.	Lê Phúc Loan	1977	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
68.	Phan Thị Xuân Hương	1975	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
69.	Mai Thị Linh	1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
70.	Quách Thị Khánh Ngọc	1977	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
71.	Hà Việt Hùng	1972	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
72.	Lê Hồng Lam	1971	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
73.	Phạm Thị Thanh Bình	1975	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
74.	Võ Đình Quyết	1978	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
75.	Trần Thị Ái Cẩm	1983	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
76.	Đỗ Thùy Trinh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
77.	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
78.	Huỳnh Thị Thanh Thúy	1978	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
79.	Võ Văn Cấn	1974	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
80.	Huỳnh Thị Như Thảo	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
81.	Nguyễn Thị Nga	1980	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
82.	Nguyễn Thành Cường	1971	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
83.	Chu Thị Lê Dung	1975	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
84.	Nguyễn Thị Liên Hương	1978	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
85.	Lê Thị Thùy Dương	1982	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
86.	Phạm Thị Phương Uyên	1981	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
87.	Hoàng Văn Tuấn	1982	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
88.	Nguyễn Hữu Mạnh	1982	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
89.	Phan Thị Lệ Thúy	1984	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
90.	Phan Thị Khánh Trang	1987	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
91.	Hoàng Thị Dự	1988	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
92.	Nguyễn Thị Kim Dung	1989	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
93.	Phạm Khánh Thụy Anh	1988	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
II	Khối ngành IV					
94.	Khổng Trung Thắng	1972	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
95.	Trang Sĩ Trung	1971	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
96.	Nguyễn Bảo	1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
97.	Nguyễn Thị Mỹ Hương	1970	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
98.	Phạm Thu Thủy	1980	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
99.	Phạm Thị Mai	1983	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
100.	Đặng Thúy Bình	1969	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
101.	Lê Phương Chung	1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
102.	Phạm Thị Minh Hải	1984	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
103.	Nguyễn Văn Duy	1981	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
104.	Phạm Thị Minh Thu	1983	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
III	Khối ngành V					
105.	Bùi Thúc Minh	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
106.	Lê Thị Hường	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
107.	Nguyễn Hoài Bảo	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
108.	Nguyễn Xuân Huy	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
109.	Nguyễn Thị Thu Trang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
110.	Nguyễn Thành Phương	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
111.	Nguyễn Đoàn Quyết	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
112.	Nhữ Khải Hoàn	1977	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
113.	Hoàng Thị Thơm	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
114.	Nguyễn Văn Hân	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
115.	Nguyễn Thanh Tuấn	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
116.	Trần Đức Dũng	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
117.	Nguyễn Văn Lợi	1974	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
118.	Nguyễn Thị Thùy	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
119.	Nguyễn Thành Vinh	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
120.	Lê Nam Tuấn	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
121.	Nguyễn Văn Hòa	1979	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
122.	Trần Thị Hoàng Quyên	1982	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
123.	Trần Quang Ngọc	1976	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
124.	Hoàng Thị Trang Nguyên	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hóa học
125.	Hà Thị Hải Yến	1986	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
126.	Phan Vĩnh Thịnh	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
127.	Trần Thị Thảo Vy	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hóa học
128.	Trần Thị Phương Anh	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
129.	Thái Văn Đức	1974	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
130.	Nguyễn Thị Mỹ Trang	1974	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
131.	Nguyễn Anh Tuấn	1959	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
132.	Nguyễn Thị Thục	1966	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
133.	Nguyễn Trọng Bách	1977	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
134.	Huỳnh Nguyễn Duy Bảo	1972	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
135.	Phạm Văn Đạt	1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
136.	Nguyễn Xuân Duy	1979	Nam		Đại học	Công nghệ chế biến thủy sản
137.	Vũ Lệ Quyên	1980	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
138.	Phạm Thị Hiền	1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
139.	Trần Thị Huyền	1983	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
140.	Đỗ Trọng Sơn	1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
141.	Nguyễn Thế Hân	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
142.	Trần Văn Vương	1978	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
143.	Đặng Thị Tổ Uyên	1973	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
144.	Phạm Hồng Ngọc Thùy	1982	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
145.	Nguyễn Hồng Ngân	1980	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
146.	Đỗ Lê Hữu Nam	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
147.	Nguyễn Phước Bảo Hoàng	1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
148.	Ngô Thị Hoài Dương	1972	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
149.	Nguyễn Thị Thanh Hải	1972	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
150.	Phạm Ngọc Minh Quỳnh	1980	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
151.	Hoàng Ngọc Anh	1982	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế biến thủy sản
152.	Nguyễn Văn Tường	1971	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
153.	Nguyễn Minh Quân	1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
154.	Ngô Quang Trọng	1974	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
155.	Trịnh Thị Linh	1984	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
156.	Bùi Chí Thành	1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
157.	Phạm Thị Kim Ngoan	1978	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
158.	Nguyễn Thanh Quỳnh Châu	1973	Nữ		Đại học	Công nghệ thông tin
159.	Phạm Thị Thu Thúy	1978	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
160.	Nguyễn Thị Hương Lý	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
161.	Đỗ Như An	1961	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
162.	Đinh Đồng Lưỡng	1978	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
163.	Mai Cường Thọ	1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
164.	Huỳnh Tuấn Anh	1970	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
165.	Mai Thị Tuyết Nga	1971	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
166.	Lê Thị Tường	1980	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
167.	Nguyễn Văn Tạng	1979	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
168.	Nguyễn Văn Minh	1977	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
169.	Huỳnh Thị Ái Vân	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
170.	Trần Thanh Giang	1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
171.	Phan Thị Khánh Vinh	1982	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
172.	Nguyễn Thị Hằng	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
173.	Võ Thị Ngọc Dung	1980	Nữ		Đại học	Công nghệ thực phẩm
174.	Lê Xuân Thắng	1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
175.	Đặng Trung Thành	1981	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
176.	Phan Xuân Minh Tuấn	1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
177.	Lưu Hồng Phúc	1977	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
178.	Nguyễn Thuần Anh	1969	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
179.	Trần Thị Mỹ Hạnh	1978	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
180.	Trần Thị Bích Thủy	1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
181.	Phan Thị Thanh Hiền	1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
182.	Nguyễn Thị Vân	1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
183.	Phạm Thị Đan Phượng	1976	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
184.	Đỗ Thị Thanh Thủy	1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
185.	Trần Thị Thanh Loan	1985	Nữ		Đại học	Công nghệ thực phẩm
186.	Vũ Ngọc Bội	1966	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
187.	Đặng Thị Thu Hương	1977	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
188.	Bùi Trần Nữ Thanh Việt	1979	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
189.	Vũ Kế Nghiệp	1976	Nam		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
190.	Phạm Văn Thông	1982	Nam		Thạc sĩ	Khai thác thủy sản
191.	Nguyễn Trọng Lương	1980	Nam		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
192.	Nguyễn Hữu Thanh	1991	Nam		Thạc sĩ	Khai thác thủy sản
193.	Tô Văn Phương	1985	Nam		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
194.	Nguyễn Ngọc Hạnh	1970	Nam		Thạc sĩ	Khai thác thủy sản
195.	Trần Đức Phú	1964	Nam		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
196.	Nguyễn Quốc Khánh	1979	Nam		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
197.	Nguyễn Văn Nhuận	1982	Nam		Thạc sĩ	Khai thác thủy sản
198.	Nguyễn Thị Nghiêm Thùy	1995	Nam		Thạc sĩ	Khai thác thủy sản
199.	Vũ Thăng Long	1977	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật Cơ điện tử
200.	Trần Văn Hùng	1982	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật Cơ điện tử
201.	Nguyễn Thiên Chương	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật Cơ điện tử
202.	Nguyễn Văn Định	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật Cơ điện tử
203.	Vũ Thị Nhài	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật Cơ điện tử
204.	Nguyễn Nam	1980	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật Cơ điện tử
205.	Đỗ Văn Tá	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
206.	Trần Doãn Hùng	1976	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
207.	Đặng Xuân Phương	1975	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
208.	Nguyễn Hữu Thật	1977	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
209.	Nguyễn Văn Hân	1980	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
210.	Bùi Đức Tài	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
211.	Vũ Ngọc Chiên	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
212.	Dương Đình Hảo	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
213.	Lê Nguyễn Anh Vũ	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
214.	Dương Tử Tiên	1971	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
215.	Mai Nguyễn Trần Thành	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
216.	Phạm Thanh Nhựt	1977	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực
217.	Huỳnh Lê Hồng Thái	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực
218.	Phùng Minh Lộc	1961	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực
219.	Nguyễn Thái Vũ	1963	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực
220.	Lê Xuân Chí	1980	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực
221.	Phạm Trọng Hợp	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực
222.	Quách Hoài Nam	1974	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực
223.	Ngô Đăng Nghĩa	1960	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
224.	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
225.	Ngô Phương Linh	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
226.	Trần Thanh Tùng	1984	Nam		Đại học	Kỹ thuật môi trường
227.	Trần Thanh Thư	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
228.	Lê Nhật Thành	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
229.	Nguyễn Đắc Kiên	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
230.	Trần Thị Tâm	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
231.	Trương Trọng Danh	1991	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
232.	Nguyễn Thanh Sơn	1978	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
233.	Bùi Vĩnh Đại	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
234.	Nguyễn Hữu Nghĩa	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật nhiệt
235.	Lê Như Chính	1978	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật nhiệt
236.	Trần Thị Bảo Tiên	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
237.	Nguyễn Trọng Quỳnh	1979	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
238.	Nguyễn Văn Phúc	1983	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
239.	Đặng Nhật Khánh	1984	Nam		Đại học	Kỹ thuật nhiệt
240.	Nguyễn Đình Khương	1976	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
241.	Lương Đức Vũ	1980	Nam		Đại học	Kỹ thuật nhiệt
242.	Nguyễn Văn Quyết	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
243.	Huỳnh Văn Thạo	1995	Nam		Đại học	Kỹ thuật nhiệt
244.	Lê Đức Tài	1996	Nam		Đại học	Kỹ thuật nhiệt
245.	Phan Văn Nhữ	1967	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô
246.	Hoàng Văn Thọ	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật ô tô
247.	Hồ Đức Tuấn	1971	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật ô tô
248.	Đoàn Phước Thọ	1974	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô
249.	Đặng Hồng Đông	1973	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô
250.	Nguyễn Thanh Tuấn	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật ô tô
251.	Nguyễn Văn Thuận	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật ô tô
252.	Huỳnh Trọng Chương	1963	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô
253.	Phạm Tạo	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô
254.	Nguyễn Phú Đông	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
255.	Lê Công Lập	1983	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật ô tô
256.	Trần Gia Thái	1966	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
257.	Huỳnh Văn Vũ	1975	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
258.	Huỳnh Văn Nhu	1970	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
259.	Trần Đình Tứ	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
260.	Đỗ Quang Thắng	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
261.	Lê Đình Ngọc Cận	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
262.	Nguyễn Chí Thanh	1981	Nam		Đại học	Kỹ thuật tàu thủy
263.	Nguyễn Văn Đạt	1961	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
264.	Trương Đắc Dũng	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
265.	Trần Hưng Trà	1976	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
266.	Nguyễn Thắng Xiêm	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
267.	Phạm Tuấn Anh	1984	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
268.	Lê Thanh Cao	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
269.	Phạm Bá Linh	1977	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
270.	Bạch Văn Sỹ	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
271.	Trần Quang Huy	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
272.	Lê Thái Sơn	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
273.	Phạm Xuân Tùng	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
274.	Đặng Quốc Mỹ	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
275.	Trần Quang Duy	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
276.	Lê Quốc Thái	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
277.	Hồ Chí Hân	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
278.	Trần Quốc Việt	1992	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
279.	Nguyễn Hùng Việt	1977	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
280.	Nguyễn Hữu Diệu	1992	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
281.	Trương Thành Chung	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
282.	Trần Nguyễn Văn Nhi	1980	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
283.	Trương Thị Mai Hương	1967	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
284.	Lê Minh Hoàng	1981	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
285.	Trương Thị Bích Hồng	1981	Nữ		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
286.	Nguyễn Đình Huy	1980	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
287.	Bành Thị Quyên Quyên	1983	Nữ		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
288.	Nguyễn Tấn Sỹ	1963	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
289.	Hoàng Thị Thanh	1979	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
290.	Nguyễn Thị Thúy	1978	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
291.	Mai Như Thủy	1977	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
292.	Trần Thị Lê Trang	1984	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
293.	Phạm Thị Anh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
294.	Lục Minh Diệp	1964	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
295.	Trần Văn Dũng	1984	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
296.	Vũ Trọng Đại	1981	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
297.	Phạm Đức Hùng	1979	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
298.	Phạm Thị Khanh	1980	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
299.	Đàm Bá Long	1976	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
300.	Ngô Văn Mạnh	1978	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
301.	Nguyễn Văn Minh	1976	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
302.	Đoàn Xuân Nam	1985	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
303.	Lương Công Trung	1966	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
304.	Phùng Thế Trung	1982	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
305.	Lê Anh Tuấn	1966	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
306.	Lê Thành Cường	1984	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
307.	Nguyễn Thị Thùy Giang	1981	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
308.	Phạm Thị Hạnh	1980	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
309.	Phạm Quốc Hùng	1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
310.	Tôn Nữ Mỹ Nga	1969	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
311.	Mai Đức Thao	1986	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
312.	Phan Văn Út	1980	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
313.	Trần Vĩ Hích	1975	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
314.	Cái Ngọc Bảo Anh	1973	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thủy sản
315.	Nguyễn Văn Quỳnh Bôi	1965	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thủy sản
316.	Trần Văn Phước	1978	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thủy sản
317.	Nguyễn Phong Hải	1975	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thủy sản
318.	Nguyễn Y Vang	1984	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thủy sản
319.	Nguyễn Lâm Anh	1968	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thủy sản
320.	Trần Văn Hào	1984	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thủy sản
IV	Khối ngành VII					
321.	Vũ Như Tân	1986	Nam		Thạc sĩ	Khoa học hàng hải
322.	Trần Đức Lượng	1961	Nam		Thạc sĩ	Khoa học hàng hải
323.	Nguyễn Văn Ngọc	1970	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
324.	Phạm Hồng Mạnh	1975	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
325.	Đặng Hoàng Xuân Huy	1982	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
326.	Trần Thùy Chi	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
327.	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
328.	Bùi Bích Xuân	1976	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
329.	Lê Văn Tháp	1975	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
330.	Nguyễn Thu Thủy	1978	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
331.	Cao Thị Hồng Nga	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
332.	Vũ Thị Hoa	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
333.	Tăng Thị Hiền	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
334.	Trần Thị Thu Hòa	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
335.	Hoàng Gia Trí Hải	1981	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
336.	Nguyễn Thị Hải Anh	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
337.	Lê Kim Long	1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế
338.	Nguyễn Ngọc Duy	1979	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
339.	Hoàng Thu Thủy	1971	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
340.	Lê Ngọc Hương	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
341.	Lê Thị Huyền Trang	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
342.	Phạm Thế Anh	1978	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế
343.	Nguyễn Thị Hồng Đào	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
344.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1979	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
345.	Phan Thị Kim Liên	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
346.	Đặng Thị Tâm Ngọc	1977	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
347.	Nguyễn Thị Hiền	1970	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế
348.	Nguyễn Văn Bảy	1977	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế
349.	Phạm Thị Thanh Thủy	1981	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
350.	Phạm Thành Thái	1977	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
351.	Trương Ngọc Phong	1984	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
352.	Nguyễn Thị Kim Anh	1962	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
353.	Lê Hoàng Duy Thuần	1975	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
354.	Ngô Quỳnh Hoa	1979	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
355.	Bùi Thị Ngọc Oanh	1982	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
356.	Trần Thị Minh Khánh	1979	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
357.	Nguyễn Trọng Lý	1973	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
358.	Trần Thị Cúc	1987	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
359.	Nguyễn Phan Quỳnh Thu	1990	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
360.	Lê Thị Thu Nga	1989	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
361.	Trần Thị Thu Trang	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
362.	Đặng Hoàng Thi	1995	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
363.	Đỗ Vũ Hoàng Tâm	1996	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
364.	Nguyễn Hoàng Hồ	1966	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
365.	Võ Nguyễn Hồng Lam	1976	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
366.	Hoàng Công Bình	1973	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
367.	Nguyễn Thị Ngân	1976	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
368.	Phạm Thị Kim Uyên	1978	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
369.	Lê Cao Hoàng Hà	1984	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
370.	Trần Thị Thúy Quỳnh	1981	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
371.	Đặng Kiều Diệp	1975	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
372.	Phạm Thị Hải Trang	1978	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
373.	Hồ Yến Nhi	1991	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
374.	Bùi Văn Anh	1991	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
375.	Nguyễn Thị Thiên Lý	1991	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
376.	Võ Hoàng Như Nhu	1995	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
377.	Đỗ Thị Thanh Vinh	1962	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
378.	Ninh Thị Kim Anh	1977	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
379.	Đoàn Nguyễn Khánh Trân	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
380.	Lê Bá Quỳnh Châu	1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
381.	Nguyễn Thanh Quảng	1992	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
382.	Phan Thảo Nguyên	1993	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
383.	Lê Trần Phúc	1984	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
384.	Nguyễn Thị Ý Vy	1995	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
385.	Lê Chí Công	1980	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị khách sạn
386.	Nguyễn Thị Huyền Thương	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
387.	Nguyễn Thị Hồng Trâm	1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
388.	Tạ Thị Vân Chi	1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
389.	Đào Anh Thư	1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
390.	Nguyễn Khánh Văn	1993	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
391.	Đặng Thị Phước Toàn	1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
V	Giảng viên cơ hữu môn chung					
392.	Nguyễn Đình Đô	1996	Nam		Thạc sĩ	
393.	Nguyễn Trọng Tiến	1970	Nam		Đại học	
394.	Nguyễn Anh Tú	1988	Nam		Thạc sĩ	
395.	Nguyễn Ánh Dương	1974	Nam		Đại học	
396.	Nguyễn Văn Thắng	1976	Nam		Đại học	
397.	Phan Văn Cường	1975	Nam		Tiến sĩ	
398.	Phan Nhật Nguyên	1984	Nam		Thạc sĩ	
399.	Nguyễn Quang San	1991	Nam		Thạc sĩ	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
400.	Phan Nguyễn Đức Dực	1990	Nam		Thạc sĩ	
401.	Nguyễn Ngọc Minh Trâm	1994	Nam		Thạc sĩ	
402.	Trương Trọng Ánh	1962	Nam		Thạc sĩ	
403.	Nguyễn Mai Trung	1961	Nam		Thạc sĩ	
404.	Nguyễn Đại Hùng	1962	Nam		Thạc sĩ	
405.	Phạm Anh Đạt	1963	Nam		Đại học	
406.	Hoàng Thị Thu Thảo	1989	Nữ		Thạc sĩ	
407.	Lê Mỹ Kim Vương	1989	Nữ		Thạc sĩ	
408.	Nguyễn Đình Ái	1961	Nam		Thạc sĩ	
409.	Phạm Gia Hưng	1963	Nam		Tiến sĩ	
410.	Thái Bảo Khánh	1979	Nam		Thạc sĩ	
411.	Nguyễn Thị Hà	1980	Nữ		Thạc sĩ	
412.	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	1983	Nữ		Thạc sĩ	
413.	Nguyễn Cảnh Hùng	1979	Nam		Thạc sĩ	
414.	Trần Quốc Vương	1982	Nam		Thạc sĩ	
415.	Huỳnh Thị Thúy Lan	1980	Nữ		Thạc sĩ	
416.	Nguyễn Quang Tuấn	1983	Nam		Thạc sĩ	
417.	Lê Thị Thùy Trang	1985	Nữ		Thạc sĩ	
418.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	1994	Nữ		Thạc sĩ	
419.	Mai Thị Phương	1990	Nữ		Thạc sĩ	
420.	Nguyễn Duy Sự	1973	Nam		Tiến sĩ	
421.	Phạm Thị Minh Châu	1984	Nữ		Thạc sĩ	
422.	Nguyễn Thị Diệu Phương	1982	Nữ		Thạc sĩ	
423.	Lê Thị Bảo Châu	1985	Nữ		Tiến sĩ	
424.	Phan Minh Đức	1963	Nam		Thạc sĩ	
425.	Nguyễn Khánh Linh	1996	Nữ		Đại học	
426.	Phạm Thị Hoa	1971	Nữ		Tiến sĩ	
427.	Nguyễn Hữu Tâm	1978	Nam		Tiến sĩ	
428.	Ngô Văn An	1980	Nam		Thạc sĩ	
429.	Phạm Quang Huy	1966	Nam		Thạc sĩ	
430.	Đỗ Văn Đạo	1977	Nam		Thạc sĩ	
431.	Trương Thị Xuân	1976	Nữ		Thạc sĩ	
432.	Trịnh Công Tráng	1982	Nam		Thạc sĩ	
433.	Vũ Thị Bích Hạnh	1984	Nữ		Thạc sĩ	
434.	Trần Thị Tân	1981	Nữ		Thạc sĩ	
435.	Trần Trọng Đạo	1979	Nam		Tiến sĩ	
436.	Nguyễn Văn Hạnh	1983	Nam		Thạc sĩ	
437.	Đinh Thị Sen	1977	Nữ		Thạc sĩ	
438.	Trần Thị Việt Hoài	1977	Nữ		Thạc sĩ	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính (x: Nữ)	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
439.	Lê Thị Thanh Ngà	1973	Nữ		Thạc sĩ	
440.	Nguyễn Thị Thanh Nga	1989	Nữ		Thạc sĩ	
441.	Huỳnh Phương Duyên	1987	Nữ		Thạc sĩ	
442.	Vũ Đặng Hạ Quyên	1983	Nữ		Thạc sĩ	
443.	Nguyễn Thị Hải Thanh	1984	Nữ		Tiến sĩ	
444.	Lê Nhã Uyên	1977	Nữ		Thạc sĩ	
445.	Văn Hồng Cẩm	1984	Nữ		Thạc sĩ	
446.	Nguyễn Công Minh	1982	Nam		Tiến sĩ	
447.	Nguyễn Thị Chính	1990	Nữ		Thạc sĩ	
448.	Khúc Thị An	1977	Nữ		Thạc sĩ	
449.	Nguyễn Thị Kim Cúc	1979	Nữ		Thạc sĩ	
450.	Nguyễn Thị Anh Thư	1984	Nữ		Tiến sĩ	
451.	Nguyễn Thị Như Thường	1984	Nữ		Tiến sĩ	
452.	Phạm Thị Lan	1985	Nữ		Thạc sĩ	
453.	Nguyễn Thị Hồng Mai	1983	Nữ		Thạc sĩ	
454.	Lê Hoàng Thị Mỹ Dung	1986	Nữ		Tiến sĩ	
455.	Phạm Phương Linh	1984	Nữ		Thạc sĩ	
456.	Đinh Văn Khương	1981	Nam		Tiến sĩ	
457.	Hứa Thị Ngọc Dung	1981	Nữ		Thạc sĩ	
458.	Vũ Thị Thùy Minh	1983	Nữ		Tiến sĩ	
459.	Trần Thanh Tâm	1986	Nam		Tiến sĩ	
460.	Võ Như Nam	1962	Nam		Cao đẳng	
461.	Trịnh Đức Minh	1985	Nam		Đại học	
462.	Bùi Thanh Tuấn	1979	Nam		Thạc sĩ	
463.	Nguyễn Văn Tiến	1970	Nam		Đại học	
464.	Lê Dũng Hoan	1968	Nam		Đại học	
465.	Phạm Tiến Khoa	1980	Nam		Đại học	
466.	Phan Ngọc Phúc	1993	Nam		Đại học	
467.	Cao Mạnh Đức	1996	Nam		Đại học	
468.	Nguyễn Thị Hạnh	1996	Nam		Đại học	
469.	Nguyễn Hồ Phong	1965	Nam		Thạc sĩ	
470.	Trần Văn Tự	1963	Nam		Đại học	
471.	Trương Hoài Trung	1979	Nam		Tiến sĩ	
472.	Giang Thị Thu Trang	1982	Nữ		Thạc sĩ	
473.	Hồ Thanh Nhã	1994	Nam		Đại học	
474.	Mai Thị Nụ	1988	Nữ		Thạc sĩ	
475.	Lưu Mai Hoa	1978	Nữ		Tiến sĩ	

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành III	26.6
2	Khối ngành IV	7.7
3	Khối ngành V	19.4
4	Khối ngành VII	29.6

(Số liệu tính tại thời điểm 30/9/2021)

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung

ĐÀO TẠO